

KẾ HOẠCH
Triển khai tiêm chủng mở rộng năm 2024

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định hoạt động tiêm chủng;
- Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;
- Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021 - 2030;
- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số Điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;
- Quyết định số 1596/QĐ-BYT ngày 10/6/2024 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2024;
- Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 13/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình bảo đảm nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;
- Kế hoạch số 362/KH-UBND ngày 03/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đảm bảo vắc xin, sinh phẩm y tế trong hoạt động tiêm chủng phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2024-2030;

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch triển khai tiêm chủng mở rộng (TCMR) năm 2024, cụ thể như sau:

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu: Như Phụ lục 1 gửi kèm.

2. Các hoạt động đã triển khai

- Hoạt động TCMR được triển khai đồng bộ, toàn diện, rộng khắp tại 71/71 xã, phường, thị trấn; kết quả trên 95% trẻ được tiêm chủng vắc xin phòng bệnh Lao (BCG), trên 80% trẻ được tiêm chủng vắc xin phòng bệnh Viêm gan B trong 24h đầu sau sinh, tỷ lệ tiêm chủng mũi vắc xin Bại liệt (IPV1) đạt chỉ tiêu giao; 100% trẻ sinh ra trong năm được cập nhật đầy đủ lên hệ thống quản lý thông tin Tiêm chủng quốc gia.

- Tổ chức 01 đợt tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn về TCMR cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã tại 08 huyện, thành phố; 01 lớp tập huấn về an toàn tiêm chủng cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện; 02 lớp tập huấn về thống kê, báo cáo trên hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia cho cán bộ tuyến tỉnh, huyện; kiểm tra, giám sát hỗ trợ tuyến huyện, xã 08 đợt trong TCMR, 03 đợt giám sát hỗ trợ hoạt động tiêm bổ sung vắc xin phòng Uốn ván cho phụ nữ có thai vùng nguy cơ cao; 10 đợt phối hợp cùng Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, 01 đợt phối hợp cùng Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế; hỗ trợ 01 đợt tiêm chủng ngoại trạm phòng bệnh Uốn ván vùng nguy cơ cao tại xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức; cấp phát 12 đợt vắc xin, vật tư tiêu hao cho tuyến huyện, thành phố; tổ chức 01 đợt truyền thông trực tiếp tại cộng đồng cho đối tượng phụ nữ có thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ từ 15-35 tuổi. Công tác tổ chức tiêm chủng đảm bảo an toàn theo quy định của Bộ Y tế, không ghi nhận các trường hợp tai biến nặng sau tiêm. Tổ chức tiêm bổ sung vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và nữ tuổi sinh đẻ vùng nguy cơ cao tỉnh Đắc Nông tại 6/8 huyện, thành phố (trừ huyện Đắc R'Lấp và thành phố Gia Nghĩa), kết quả: đối tượng tiêm 1 mũi đạt 71,0 và đối tượng tiêm 2 mũi đạt 54,1%.

- Phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên tổ chức 1 lớp hội thảo lập kế hoạch cho cán bộ y tế và cán bộ giáo dục; tổ chức 2 lớp tập huấn giảng viên tuyến tỉnh cho cán bộ y tế và cán bộ giáo dục; tổ chức 16 lớp tập huấn cho cán bộ y tế và cán bộ giáo dục tuyến xã.

3. Một số khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

- Thiếu vắc xin cho TCMR trên địa bàn tỉnh do gián đoạn nguồn cung vắc xin từ Bộ Y tế; nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc tiêm vắc xin, đặc biệt là vùng đồng bào người Mông, dân tộc thiểu số còn thấp; một số bà mẹ còn e dè về các phản ứng sau tiêm vắc xin, sợ trẻ ốm, sốt sau tiêm nên không đưa trẻ đi tiêm chủng; tỷ lệ sinh con tại nhà vẫn còn cao của một số bộ phận người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Địa bàn tỉnh rộng, giao thông đi lại còn khó khăn, một số thôn, bon ở vùng sâu, vùng xa, khó khăn trong việc tiếp cận tiêm chủng; mạng lưới cộng tác viên y tế thôn bản giám sát, tình trạng dân di biến động của một số bộ phận người đồng bào phía bắc di cư vào địa phương.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2024

1. Mục tiêu

- Duy trì thành quả và nâng cao hiệu quả công tác TCMR.
- Triển khai các vắc xin mới trong TCMR (vắc xin Rota, Td).

2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Đạt tỷ lệ tiêm chủng vắc xin trong Chương trình TCMR theo chỉ tiêu: Như Phụ lục 2 kèm theo.

- Đạt chỉ tiêu giám sát bệnh có vắc xin phòng bệnh trong Chương trình TCMR: Như Phụ lục 3 kèm theo.

3. Phạm vi, thời gian triển khai

- a) Phạm vi: Triển khai trên phạm vi toàn tỉnh tại 08/08 huyện, thành phố.
b) Thời gian: Năm 2024.

4. Đối tượng và số lượng vắc xin

a) Đối tượng: Căn cứ nhu cầu đề xuất của 08/08 huyện, thành phố, đối tượng thuộc Chương trình TCMR năm 2024 gồm: trẻ em dưới 1 tuổi: 10.810 đối tượng; phụ nữ có thai: 10.810 đối tượng (Phụ lục 4 kèm theo).

b) Nhu cầu vắc xin: Nhu cầu vắc xin năm 2024 được ước tính trên cơ sở đăng ký nhu cầu của 08/08 huyện, thành phố (Phụ lục 5 kèm theo).

5. Các hoạt động triển khai

a) Kiểm định vắc xin, hiệu chuẩn kho lạnh, quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống dây chuyền lạnh

- Phối hợp với Viện Kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế về kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo chất lượng vắc xin, sinh phẩm tại tuyến tỉnh, huyện, xã và các cơ sở tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức rà soát, huy động nguồn lực đầu tư mới, phối hợp với các tổ chức, đơn vị liên quan tiếp nhận thay thế các tủ lạnh đã hư hỏng, xuống cấp cho tất cả các cơ sở y tế liên quan để đảm bảo 100% cơ sở TCMR có hệ thống dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

- Định kỳ tổ chức bảo dưỡng, hiệu chuẩn hệ thống dây chuyền lạnh tại các đơn vị y tế trên địa bàn.

b) Tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển vắc xin

Tiếp nhận và bảo quản vắc xin từ Trung ương về tỉnh và từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo đúng quy định.

c) Triển khai kế hoạch sử dụng vắc xin trong Chương trình TCMR đảm bảo tiêm chủng an toàn và đạt tiến độ

d) Tăng cường giám sát các bệnh có vắc xin trong TCMR: Duy trì giám sát các bệnh có vắc xin trong TCMR; điều tra ca bệnh, lấy mẫu bệnh phẩm theo quy định đối với trường hợp liệt mềm cấp, nghi sởi, rubella, chết sơ sinh, nghi uốn ván sơ sinh tại các cơ sở y tế và cộng đồng đạt chỉ tiêu đề ra; lồng ghép giám sát phát hiện các bệnh trong TCMR.

đ) Tăng cường an toàn tiêm chủng, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng và kiểm tra, giám sát hoạt động tiêm chủng: Duy trì hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng các vắc xin trong TCMR; tổ chức các lớp tập huấn và tập huấn lại cho cán bộ làm công tác TCMR các tuyến về thực hiện tiêm chủng an toàn, giám sát, phát hiện, điều tra các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng.

- Thực hiện việc theo dõi, báo cáo, điều tra và tổ chức họp Hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin theo quy định.

- Triển khai các hoạt động giám sát chủ động và giám sát thường quy hoạt động tiêm chủng theo kế hoạch.

e) Tổ chức thống kê, báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý số liệu tiêm chủng

Tổng hợp, báo cáo kết quả TCMR, tình hình sử dụng vắc xin và vật tư tiêm chủng hằng tháng, hằng quý, năm theo quy định. Cập nhật hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia đáp ứng yêu cầu sử dụng, bao gồm: Mũi tiêm trong Chương trình TCMR; bổ sung hợp phần kiểm tra tiền sử tiêm chủng trẻ em độ tuổi mầm non, tiểu học; rà soát và khắc phục một số lỗi khi sử dụng hệ thống.

g) Thông tin, truyền thông, tập huấn, kiểm tra, giám sát

- Triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông, bao gồm: Xây dựng các chương trình, tọa đàm, phóng sự về vai trò, ý nghĩa, hiệu quả của Chương trình TCMR; xây dựng các bộ tài liệu truyền thông về TCMR (thực hiện các Infographic, poster, video, cập nhật các thông điệp, khuyến cáo về tiêm chủng đúng lịch, an toàn tiêm chủng, theo dõi và phát hiện các phản ứng sau tiêm chủng); tổ chức các lớp tập huấn truyền thông về tiêm chủng.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về thực hành tiêm chủng, an toàn tiêm chủng, giám sát bệnh trong TCMR.

- Kiểm tra, giám sát, hậu kiểm công tác an toàn tiêm chủng theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng và các văn bản hướng dẫn khác liên quan trong công tác tiêm chủng.

h) Rà soát đối tượng, xác định nhu cầu vắc xin năm 2025

Thực hiện việc rà soát số lượng trẻ em, phụ nữ có thai thuộc đối tượng của Chương trình TCMR để dự trù số lượng vắc xin, bố trí nguồn lực, xây dựng kế hoạch triển khai năm 2025.

i) Quản lý, điều hành hoạt động TCMR

Chỉ đạo thường xuyên và kịp thời, đơn đốc địa phương triển khai hoạt động TCMR năm 2024, tiêm bù mũi các vắc xin trong TCMR cho đối tượng năm 2023, tiêm bổ sung vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng nguy cơ cao, tiêm chủng trường học đảm bảo đạt các chỉ tiêu đề ra; thực hiện kiểm tra, giám sát công tác TCMR tại các tuyến; theo dõi, điều phối vắc xin giữa các địa phương để đảm bảo sử dụng vắc xin hiệu quả.

k) In ấn sổ sách, biểu mẫu, vật tư tiêu hao, trang thiết bị

- Thực hiện in ấn, cấp phát đầy đủ các sổ sách, biểu mẫu được quy định trong Chương trình TCMR theo hướng dẫn của Bộ Y tế như: Sổ tiêm chủng cơ

bản cho trẻ em (dùng cho tuyến xã, phường), số tiêm chủng cá nhân, số tiêm chủng vắc xin uốn ván cho phụ nữ, bảng kiểm trước tiêm chủng.

- Rà soát số lượng vật tư tiêu hao, trang thiết bị trong TCMR hiện có tại kho của tuyến tỉnh, số lượng hiện tồn, chủ động tổ chức mua sắm, tổ chức cấp phát đầy đủ cho các tuyến, đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.

6. Kinh phí triển khai

a) Kinh phí Trung ương: Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động trong Chương trình TCMR theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ.

b) Kinh phí địa phương: Sử dụng kinh phí dịch vụ công lĩnh vực Y tế - Dân số năm 2024; lồng ghép từ các Chương trình, dự án; các nguồn tài chính và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân nhằm tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình TCMR trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp triển khai các hoạt động của Kế hoạch nhằm đạt mục tiêu, chỉ tiêu giao. Tổng hợp nhu cầu vắc xin trong TCMR trên địa bàn toàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt nhu cầu vắc xin.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện, quản lý số liệu và báo cáo theo quy định.

- Tăng cường truyền thông vận động đối tượng tiêm chủng, phụ nữ có thai, người dân đưa trẻ đi tiêm vắc xin phòng bệnh, đúng lịch, đủ liều.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh đảm bảo kinh phí tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh phối hợp với ngành Y tế triển khai công tác tiêm chủng tại các trường học; kiểm tra, rà soát thông tin về tình trạng tiêm chủng đối với đối tượng là học sinh mầm non, tiểu học khi nhập học; đồng thời tuyên truyền, vận động cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp của học sinh thực hiện tiêm chủng đối với các trường học chưa tiêm chủng đầy đủ.

- Hỗ trợ điều tra, lập danh sách các đối tượng trong diện tiêm chủng tại trường học, đặc biệt tại các trường mầm non, tiểu học, các xã vùng sâu, vùng xa; phối hợp tổ chức triển khai các điểm tiêm chủng tại trường học. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục trong việc phối hợp thực hiện

công tác tiêm chủng. Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế trong quá trình triển khai công tác TCMR thường xuyên và các chiến dịch tiêm chủng.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tuyên truyền về mục tiêu, lợi ích của việc tiêm vắc xin phòng, chống dịch bệnh.

6. Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông

Phối hợp với ngành Y tế để kịp thời viết tin, bài tuyên truyền về lợi ích của TCMR và các khuyến nghị của Bộ Y tế để người dân biết và thực hiện nhằm đạt hiệu quả cao trong việc tiêm vắc xin phòng, chống dịch bệnh tại các đơn vị, địa phương.

7. Các Sở, ngành, đoàn thể liên quan


Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, chủ động phối hợp với ngành Y tế chủ động tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng TCMR trên địa bàn toàn tỉnh.

8. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch triển khai TCMR năm 2024 tại địa phương; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả hoạt động tiêm chủng trên địa bàn quản lý.

- Huy động các nguồn lực, hỗ trợ các đơn vị y tế trên địa bàn triển khai thực hiện tốt các hoạt động TCMR đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường truyền thông về tiêm chủng, xây dựng và phát triển các mô hình truyền thông phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai TCMR năm 2024; các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện. / 

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Cục Y tế dự phòng;
- Viện VSDT Trung ương;
- Viện VSDT Tây Nguyên;
- Các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TIDT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (S).

03

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục 1**Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2023**(Kèm theo Kế hoạch số: **506** /KH-UBND ngày **29** /7/2024 của UBND tỉnh)

TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Nhận xét
1	Không để bại liệt quay trở lại	Không	Không	Đạt
2	Tỷ lệ huyện duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh (UVSS)	100 huyện đạt	7/8 (87,5%)	Không đạt
3	Tỷ lệ TCĐĐ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi	$\geq 95\%$	51,0%	Không đạt
4	Tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong 24 giờ	≥ 80	87,5%	Đạt
5	Tỷ lệ trẻ được tiêm vắc xin Bại liệt IPV1	$\geq 90\%$	91,0%	Đạt
6	Tỷ lệ trẻ được tiêm vắc xin Bại liệt IPV2	$\geq 90\%$	85,4%	Không đạt
7	Tỷ lệ trẻ được tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản			
-	Tiêm 2 mũi (mũi 1, mũi 2) cho trẻ ≥ 1 tuổi	$\geq 90\%$	82,7%	Không đạt
-	Tiêm mũi 3 cho trẻ ≥ 2 tuổi	$\geq 90\%$	78,7%	Không đạt
8	Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi-Rubella	$\geq 95\%$	65,2%	Không đạt
9	Tỷ lệ tiêm vắc xin Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT)	$\geq 90\%$	34,8	Không đạt
10	Tỷ lệ PNCT được tiêm đủ mũi vắc xin uốn ván (UV2+)	≥ 85	83,6%	Không đạt
11	Tỷ lệ mắc Sởi	$\leq 5/100.000$ dân	0	Đạt
12	Tỷ lệ mắc Bạch hầu	$\leq 0,05/100.000$ dân	0	Đạt
13	Tỷ lệ mắc Ho gà	$\leq 1/100.000$ dân	0	Đạt

Phụ lục 2**Chỉ tiêu Tiêm chủng mở rộng năm 2024***(Kèm theo Kế hoạch số: 506 /KH-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2023	Chỉ tiêu năm 2024
1	Tỷ lệ TCĐĐ các loại vắc xin cho trẻ em dưới 1 tuổi (Lao, Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, VGB, Hib, Bại liệt uống, Sởi)	≥ 95	≥ 90
2	Tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong 24 giờ	≥ 80	≥ 90
3	Tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván 2 cho phụ nữ có thai	≥ 85	≥ 90
4	Tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm não Nhật bản:	≥ 90	≥ 90
-	Tiêm 2 mũi (mũi 1, mũi 2) cho trẻ ≥ 1 tuổi	≥ 90	≥ 90
-	Tiêm mũi 3 cho trẻ ≥ 2 tuổi	≥ 90	≥ 90
5	Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi-Rubella	≥ 95	≥ 95
6	Tỷ lệ tiêm vắc xin Bạch hầu – Ho gà – Uốn ván (DPT)	≥ 90	≥ 90
7	Tỷ lệ tiêm vắc xin Bại liệt (IPV) khi trẻ đủ 5 tháng tuổi và đủ 9 tháng tuổi	≥ 90	≥ 90
8	Tỷ lệ uống vắc xin Rota tại vùng triển khai	-	≥ 90



Phụ lục 3**Chỉ tiêu giám sát bệnh trong Tiêm chủng mở rộng năm 2024***(Kèm theo Kế hoạch số: 506 /KH-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu năm 2023	Chỉ tiêu năm 2024
1	Không có vi rút bại liệt hoang dại	0 trường hợp	0 trường hợp
2	100% huyện đạt tiêu chuẩn loại trừ Uốn ván sơ sinh	100% huyện đạt	100% huyện đạt
3	Tỷ lệ mắc Sởi	$\leq 5/100.000$ người	$\leq 5/100.000$ người
4	Tỷ lệ mắc Bạch hầu	$\leq 0,05/100.000$ người	$\leq 0,01/100.000$ người
5	Tỷ lệ mắc Ho gà	$\leq 1/100.000$ người	$\leq 1/100.000$ người
6	Ca Liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu	$\geq 1/100.000$ trẻ dưới 15 tuổi	$\geq 1/100.000$ trẻ dưới 15 tuổi
7	Ca nghi sởi/rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm	$\geq 2/100.000$ dân trên phạm vi huyện	$\geq 2/100.000$ dân trên phạm vi huyện
8	Số ca chết sơ sinh được điều tra	$\geq 2/1.000$ trẻ đẻ sống	$\geq 2/1.000$ trẻ đẻ sống



Phụ lục 4**Nhu cầu vắc xin trong TCMR***(Kèm theo Kế hoạch số: 506 /KH-UBND, ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh)*

TT	Loại vắc xin	Nhu cầu vắc xin năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 (liều) ¹	Số vắc xin tồn năm 2023	Số vắc xin được cấp (tính đến 17/6/2024) (liều)	Nhu cầu vắc xin còn lại (liều)
		(a)	(b)	(c)	(d=a-b-c)
1	Viêm gan B sơ sinh	15.000	1.182	5.000	8.818
2	Lao	42.000	0	20.100	21.900
3	Bại liệt uống	109.900	0	56.000	53.900
4	Bại liệt tiêm	70.100	0	27.000	43.100
5	Sởi	37.300	0	27.500	9.800
6	Sởi-Rubella	40.400	0	28.000	12.400
7	Viêm não Nhật Bản	102.600	0	38.000	64.600
8	Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT)	61.600	0	27.600	34.000
9	Uốn ván - Bạch hầu (Td)	0	0	0	0
10	Uốn ván	77.300	0	24.000	53.300
11	Rota	33.000	0	0	33.000
12	DPT-VGB-Hib	65.200	0	17.650	47.550

¹ Công văn số 1129/KSBT-PCBTN ngày 11/12/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông về việc đề xuất nhu cầu vắc xin trong Chương trình TCMR năm 2024, gởi đầu 6 tháng đầu năm 2025.

Phụ lục 5

Đối tượng TCMR tỉnh Đắk Nông năm 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 506 /KH-UBND ngày 29 /7/2024 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Số huyện miền núi khó khăn	Tổng số xã	Số xã miền núi đặc biệt khó khăn	Dân số	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-5 tuổi)				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
						Số trẻ < 1 tuổi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ 18 tháng	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ tiêm 2 mũi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ tiêm mũi 3	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ 7 tuổi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số PNCT	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn
1	Gia Nghĩa	0	8	0	68.542	1.010	0	999	0	1.007	0	919	0	1.254	0	1.010	0
2	Krông Nô	0	12	0	83.266	1.229	362	1.258	352	1.264	367	1.188	344	1.460	398	1.229	363
3	Cư Jút	0	8	0	101.365	1.432	234	1.486	269	1.477	264	1.475	272	1.577	243	1.432	234
4	Đắk Mil	0	10	0	106.557	1.646	218	1.570	192	1.621	158	1.564	195	2.029	253	1.646	196
5	Đắk Song	0	9	0	83.547	1.237	0	1.239	0	1.208	0	1.219	0	1.736	0	1.237	0
6	Tuy Đức	1	6	5	65.223	1.132	1.002	1.220	1.090	1.301	1.171	1.088	948	1.453	1.167	1.132	1.002
7	Đắk R'Lấp	0	11	0	71.187	1.423	36	1.395	45	1.402	25	1.375	39	1.611	37	1.423	55
8	Đắk Glong	1	7	7	75.546	1.701	1.670	1.679	1.645	1.695	1.651	1.599	1.560	1.659	1.627	1.701	1.670
Tổng cộng		2	71	12	655.233	10.810	3.522	10.846	3.593	10.975	3.636	10.427	3.358	12.779	3.725	10.810	3.520